

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA BỂ
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HS-ST
Ngày: 22/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BỂ, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ma Thị Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đỗ Thị Láng** và ông **Lưu Xuân Thảo**

Thư ký phiên tòa: Bà **Bào Kim Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông **Ma Thế Thiện** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2021/TLST-HS, ngày 04 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HS ngày 08/3/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, Tên gọi khác: không, Sinh ngày 17/8/1985, tại huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn M, xã C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: Lớp 12/12. Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân B và bà Dương Thị N; vợ là Vi Thị H (đã ly hôn); con: 01 (sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: ngày 31/8/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”; ngày 28/7/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; ngày 22/5/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 03 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/12/2020 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

- Ông **Vi Văn H**, sinh năm 1964; Nơi cư trú: T, xã T, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà **Hoàng Thị N**, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chị **Lý Thị H**, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn K, xã K, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- Anh **Đặng Văn G**, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn K xã K, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. (Đã ủy quyền cho chị Lý Thị H tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 12/12/2020). Vắng mặt.

- Chị **Long Thị T**, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Anh **Lý Văn Q**, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn (Đã ủy quyền cho bà Long Thị T tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 15/12/2020). Vắng mặt.

- Bà **Dương Thị N**, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông **Lý Văn C**, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. (Đã ủy quyền cho bà Dương Thị N tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 21/10/2020). Vắng mặt.

- Ông **Triệu Văn T**, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà **Bàn Thị N**, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. (Đã ủy quyền cho ông Triệu Văn T tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 24/10/2020). Vắng mặt.

- Bà **Ninh Thị S**, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông **Nông Đức N**, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. (Đã ủy quyền cho bà Ninh Thị S tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 24/10/2020). Vắng mặt.

- Bà **Đàm Thị S**, sinh năm 1970; Nơi cư trú: TK thị trấn R, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Anh **Ngô Duy H**, sinh năm 1994; Nơi cư trú: TK, thị trấn R, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn (Đã ủy quyền cho bà Đàm Thị S tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 21/12/2020). Vắng mặt.

- Bà **Ma Thị Đ**, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Kinh H**, sinh năm 1960; Nơi cư trú: TK, thị trấn C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà **Triệu Thị N**, sinh năm 1968; Nơi cư trú: TK, thị trấn C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn (Đã ủy quyền cho ông Nguyễn Kinh Hg tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 15/12/2020). Vắng mặt.

- Ông **Dương Văn T**, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà **Sầm Thị L**, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn (Đã ủy quyền cho ông Dương Văn T tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 05/11/2020). Vắng mặt.

- Ông **Hoàng Văn D**, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. (Đã ủy quyền cho ông Hoàng Văn D tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 19/12/2020). Vắng mặt.

- Ông **Trần Văn G**, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà **Lê Thị Mão**, sinh năm 1967; Thôn Nà Hán, xã Thượng Giáo, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn (Đã ủy quyền cho ông Trần Văn G tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 03/11/2020). Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông **Lý Văn H**, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

- Ông **Dương Đăng P**, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- Ông **Lý Thế D**, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 07/9/2020 Nguyễn Văn N sang nhà anh Lý Văn H (Sinh năm 1982. Trú tại: Thôn P, xã C) mượn xe mô tô biển kiểm soát 97F4 – 8079, sau khi mượn được xe N đem theo 01 bao tải, 01 đèn pin mục đích đi trộm cắp lợn. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, N đến thôn T, xã T, huyện Ba Bể, quan sát thấy có một chuồng lợn ở cạnh đường, N dừng xe đi vào chuồng lợn, dùng đèn pin soi vào trong chuồng thấy có 01 đàn lợn, N trèo vào chuồng lừa bắt được 01 con cho vào bao tải rồi xách ra chỗ dựng xe để lợn tại giá hàng đằng trước rồi mang lợn đi tiêu thụ, khi đến địa phận thôn P, xã Đ, huyện Ba Bể thì bị tổ công tác Công an huyện Ba Bể phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ 01 con lợn có trọng lượng 14,5 kg, 01 xe mô tô biển kiểm soát 97F4 – 8079, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, 01 bao tải, 01 đèn pin.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn N khai nhận: Ngoài trộm cắp 01 con lợn của ông Vi Văn H (Sinh năm 1964) tại thôn T, xã T, huyện Ba Bể vào ngày 07/9/2020, N còn được thực hiện nhiều vụ trộm tài sản (lợn) của người khác. Cụ thể:

Ngày 09/6/2020, trộm cắp 01 con lợn có trọng lượng khoảng 16 kg của chị Lý Thị H (Sinh năm 1991) tại thôn K, xã K, huyện Ba Bể rồi mang đi bán ở thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông cho một người không quen biết được 1.400.000 đồng.

Ngày 22/7/2020, trộm cắp 01 con lợn có trọng lượng khoảng 28 kg của chị Long Thị T (Sinh năm 1994) tại thôn K, xã P, huyện Ba Bể rồi mang đi bán ở thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông cho một người không quen biết được 1.500.000 đồng (Vụ việc này được khởi tố vụ án tại Quyết định số 32 ngày 22/9/2020).

Ngày 23/7/2020, trộm cắp 01 con lợn có trọng lượng khoảng 30 kg của bà Dương Thị N (Sinh năm 1966) tại thôn C, xã H, huyện Ba Bể mang đi bán ở thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông cho một người không quen biết được 1.500.000 đồng.

Vào tháng 7/2020 (Không nhớ ngày) trộm cắp 01 con lợn có trọng lượng khoảng 25 kg của ông Triệu Văn T (Sinh năm 1978) tại thôn N, xã C, huyện Ba Bể mang đi bán ở thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông cho một người không quen biết được 1.200.000 đồng.

Ngày 01/8/2020, trộm cắp 01 con lợn có trọng lượng khoảng 10 kg của bà Ninh Thị S (Sinh năm 1972) tại thôn P, xã P, huyện Ba Bể mang đi bán cho ông Lý Thế D ở thôn N, xã M, huyện Ba Bể được 800.000 đồng.

Ngày 14/8/2020, trộm cắp 01 con lợn có trọng lượng khoảng 10 kg của bà Đàm Thị S (Sinh năm 1970) tại TK, thị trấn C, huyện Ba Bể rồi mang đi bán cho ông Dương Đăng P ở thôn P, xã Đ, huyện Ba Bể được 1.000.000 đồng.

Ngày 16/8/2020, trộm cắp 01 con lợn có trọng lượng khoảng 20 kg của bà Ma Thị Đ (Sinh năm 1968) tại thôn B, xã T, huyện Ba Bể rồi mang đi bán ở thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông cho một người không quen biết được 1.300.000 đồng.

Ngày 21/8/2020, trộm cắp 01 con lợn có trọng lượng khoảng 15kg của ông Nguyễn Kinh H (Sinh năm 1960) tại TK, thị trấn R, huyện Ba Bể rồi mang đi bán cho ông Dương Đăng P ở thôn P, xã Đ, huyện Ba Bể được 1.200.000 đồng.

Ngày 22/8/2020, trộm cắp 01 con lợn có trọng lượng khoảng 40kg của ông Dương Văn T (Sinh năm 1961) tại thôn T, xã Đ, huyện Ba Bể rồi mang đi bán ở thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông cho một người không quen biết được 1.600.000 đồng.

Ngày 26/8/2020, trộm cắp 01 con lợn có trọng lượng khoảng 10kg của ông Hoàng Văn D (Sinh năm 1974) tại thôn T, xã T, huyện Ba Bể rồi mang đi bán ở thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông cho một người không quen biết được 700.000 đồng.

Ngày 31/8/2020 trộm cắp 01 con lợn có trọng lượng khoảng 15 kg của ông Trần Văn G (Sinh năm 1969) tại thôn N, xã T, huyện Ba Bể rồi mang đi bán cho ông Dương Đăng P ở thôn P, xã Đ, huyện Ba Bể được 1.300.000 đồng.

Những lần trộm cắp này Nguyễn Văn N đều sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 97F6 – 5311 của N để làm phương tiện di chuyển, dùng bao tải để đựng lợn, hình thức trộm cắp là quan sát thấy các chuồng lợn của các gia đình không có ai trông coi N đi vào chuồng bắt lấy lợn rồi dùng xe mô tô chở đi bán. Chiếc xe N đã bán cho một người thu mua sắt vụn (Không rõ danh tính) tại thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn nên Cơ quan điều tra không thu giữ được; số tiền bán lợn có được Nguyễn Văn N đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 717 ngày 21/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ba Bể kết luận: 01 con lợn giống, loại lợn ta, màu đen, cân nặng khoảng 28kg có giá trị 4.480.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 746 ngày 08/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ba Bể kết luận: 01 con lợn giống, lợn ta, lợn cái, màu trắng có trọng lượng 14,5kg có giá trị 2.610.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 851 ngày 19/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ba Bể kết luận: 01 con lợn ta, màu đen, lợn giống, nặng 16kg có giá trị 2.560.000 đồng; 01 con lợn ta, màu đen, lợn thịt, nặng 30kg có giá trị 2.700.000 đồng; 01 con lợn ta, màu đen, lợn cái, lợn giống, nặng 25kg có giá trị 3.750.000 đồng; 01 con lợn ta, màu đen, lợn đực, lợn giống, nặng 10kg có giá trị 2.000.000 đồng; 01 con lợn ta, màu đen, lợn giống, nặng 10kg có giá trị 2.000.000 đồng; 01 con lợn ta, màu đen, lợn cái, lợn giống, nặng 20kg có giá trị 3.000.000 đồng; 01 con lợn ta, màu đen, lợn đực, lợn giống, nặng 15kg có giá trị 2.400.000 đồng; 01 con lợn ta, màu đen, lợn đực, lợn thịt, nặng 40kg có giá trị 3.600.000 đồng; 01 con lợn ta, màu đen, lợn đực, lợn giống, nặng 10kg có giá trị 2.000.000 đồng; 01 con lợn ta, màu đen, lợn đực, lợn giống, nặng 15kg có giá trị 2.400.000 đồng.

Tổng trị giá của 12 con lợn là 33.500.000^d (Ba mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng).

Tại Bản cáo trạng số: 04/CT-VKSBB ngày 02/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo N. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng khoản 1, Điều 173, Điều

38, điểm r, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52/BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 18 (Mười tám) đến 24 (Hai mươi tư) tháng tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo N.

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48/BLHS; Điều 584; Điều 585; Điều 589/BLDS.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và bị hại. Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại giá trị tài sản đã trộm cắp cho bị hại, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho chị Lý Thị H và anh Đặng Văn G. Nơi cư trú: Thôn K, xã K, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 2.560.000^d (Hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Bồi thường cho chị Long Thị T và anh Lý Văn Q. Nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 4.480.000^d (Bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

- Bồi thường cho bà Dương Thị N và ông Lý Văn C. Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 2.700.000^d (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Bồi thường cho ông Triệu Văn T và bà Bàn Thị N. Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 3.750.000^d (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Bồi thường cho bà Ninh Thị S và ông Nông Đức N. Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 2.000.000^d (Hai triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Đàm Thị S và anh Ngô Duy H (con đẻ bà S) sinh năm 1994; Nơi cư trú: T, thị trấn C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 2.000.000^d (Hai triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Ma Thị Đ, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 3.000.000^d (Ba triệu đồng).

- Bồi thường cho ông Nguyễn Kinh H và bà Triệu Thị Nt. Nơi cư trú: TK2, thị trấn C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 2.400.000^d (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Bồi thường cho ông Dương Văn T và bà Sầm Thị L. Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 3.600.000^d (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Bồi thường cho ông Hoàng Văn D và bà Phạm Thị T. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 2.000.000^d (Hai triệu đồng).

- Bồi thường cho ông Trần Văn G và bà Lê Thị M. Nơi cư trú: Thôn N, xã Th, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 2.400.000^d (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Đối với bị hại là ông Vi Văn H và bà Hoàng Thị N đã nhận lại tài sản là con lợn giống có trọng lượng là 14,5 kg và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS

- 01 bao tải; 01 đèn pin là phương tiện phạm tội của bị cáo, không còn giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 97F4 – 8079 là xe của anh Lý Văn H. Anh H yêu cầu được nhận lại xe mô tô. Xét thấy, đây là tài sản hợp pháp của anh Lý Văn H, H không biết việc N mượn xe để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cần trả lại xe mô tô biển kiểm soát 97F4 – 8079 cho anh Lý Văn H.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng của N không liên quan đến hành vi phạm tội, xét thấy cần trả lại cho Nguyễn Văn N, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho N.

* Về án phí: Áp dụng Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo N thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại vắng mặt, nhưng trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong hồ sơ vụ án và đề nghị xét xử hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa Nguyễn Văn N đều thừa nhận: Do không có tiền tiêu sài cá nhân và bản thân nghiện chất ma túy nên vào khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 07/9/2020 tại thôn T, xã T, huyện Ba Bể, Nguyễn Văn N có hành vi lén lút trộm cắp 01 con lợn của ông Vi Văn H có giá trị 2.610.000 đồng. Ngoài ra, N khai nhận trước đó trong khoảng thời gian từ tháng 6/2020 đến tháng 8/2020, N còn thực hiện nhiều vụ trộm lợn khác trên địa bàn huyện Ba Bể, cụ thể: Ngày 09/6/2020 trộm cắp của bà Lý Thị H 01 con lợn có giá trị 2.560.000 đồng tại thôn K, xã K; ngày 22/7/2020 trộm của bà Long Thị T 01 con lợn có giá trị 4.480.000 đồng tại thôn N, xã P; ngày 23/7/2020 trộm cắp của bà Dương Thị N 01 con lợn có giá trị 2.700.000 đồng tại thôn C, xã H; tháng 7/2020 trộm của ông Triệu Văn T 01 con lợn có giá trị 3.750.000

đồng tại thôn N, xã C; ngày 01/8/2020 trộm cắp của bà Ninh Thị S 01 con lợn có giá trị 2.000.000 đồng tại thôn P, xã M; ngày 14/8/2020 trộm cắp của bà Đàm Thị S 01 con lợn có giá trị 2.000.000 đồng tại tiểu khu 2, thị trấn C; ngày 16/8/2020 trộm cắp của bà Ma Thị Đ 01 con lợn có giá trị 3.000.000 đồng tại thôn B, xã T; ngày 21/8/2020 trộm cắp của ông Nguyễn Kinh H 01 con lợn có giá trị 2.400.000 đồng tại TK, thị trấn C; ngày 22/8/2020 trộm cắp của ông Dương Văn T 01 con lợn có giá trị 3.600.000 đồng tại thôn T, xã Đ; ngày 26/8/2020 trộm cắp của ông Hoàng Văn D 01 con lợn có giá trị 2.000.000 đồng tại thôn T, xã T; ngày 31/8/2020 trộm cắp của ông Trần Văn G 01 con lợn có giá trị 2.400.000 đồng tại thôn N, xã T. Tổng giá trị tài sản các lần trộm cắp là 33.500.000^d (Ba mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng).

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Xét tính chất hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, 03 (ba) lần bị Tòa án xét xử. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52/BLHS và được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Tự thú”, “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, có bố đẻ là ông Nguyễn Xuân B là người có công với Nhà nước, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, nên không có khả năng thi hành. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Đối với bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Đối với bị hại: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa những người bị hại đều khẳng định gia đình các bị hại bị trộm cắp tài sản là lợn giống, lợn thịt như bị cáo khai nhận, được thực nghiệm điều tra, làm rõ và khẳng định đây là tài sản chung của vợ chồng, của gia đình. Nay chưa được bồi thường và yêu cầu bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho những người bị hại theo như giá trị của Hội đồng định giá tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản gì thêm. Bị cáo N nhất trí bồi thường cho những người bị hại giá trị tài sản trộm cắp theo đơn yêu cầu của người bị hại. Xét thấy, đây là tài sản chung của vợ chồng, gia đình các bị hại. Việc thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và các bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội

đồng xét xử ghi nhận. Nhưng do bị cáo chưa thực hiện được nghĩa vụ bồi thường nên cần buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Đăng P được mua với bị cáo 03 con lợn. Lý Thế D được mua với bị cáo 01 con lợn nhưng ông P, ông D không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Còn những người khác ở thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn đã mua lợn với N nhưng bị cáo không cung cấp được họ tên, địa chỉ cụ thể không xác định được danh tính. Vì vậy, không có căn cứ để xem xét, xử lý là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với Lý Văn H ngày 07/9/2020 có cho bị cáo N mượn xe mô tô biển kiểm soát 97F4 – 8079, nhưng H không biết bị cáo mượn xe dùng làm phương tiện trộm cắp tài sản. H yêu cầu được trả lại xe mô tô trên. Xét thấy yêu cầu của Lý Văn H là có căn cứ, cần chấp nhận.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48/BLHS; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589/BLDS; Điều 29, 33 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường dân sự giữa bị cáo và bị hại. Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại giá trị tài sản đã trộm cắp cho bị hại, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho chị Lý Thị H và anh Đặng Văn G. Nơi cư trú: Thôn K, xã K, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 2.560.000^d (Hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Bồi thường cho chị Long Thị T và anh Lý Văn Q. Nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 4.480.000^d (Bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

- Bồi thường cho bà Dương Thị N và ông Lý Văn C. Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 2.700.000^d (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Bồi thường cho ông Triệu Văn T và bà Bàn Thị N. Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 3.750.000^d (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Bồi thường cho bà Ninh Thị S và ông Nông Đức N. Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 2.000.000^d (Hai triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Đàm Thị S và anh Ngô Duy Hg (con đẻ bà S) sinh năm 1994; Nơi cư trú: TK, thị trấn C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 2.000.000^d (Hai triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Ma Thị Đ, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 3.000.000^d (Ba triệu đồng).

- Bồi thường cho ông Nguyễn Kinh H và bà Triệu Thị N. Nơi cư trú: TK, thị trấn C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 2.400.000^d (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Bồi thường cho ông Dương Văn T và bà Sầm Thị L. Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 3.600.000^d (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Bồi thường cho ông Hoàng Văn D và bà Phạm Thị T. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 2.000.000^d (Hai triệu đồng).

- Bồi thường cho ông Trần Văn G và bà Lê Thị M. Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 2.400.000^d (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Đối với bị hại là ông Vi Văn H và bà Hoàng Thị N đã nhận lại tài sản là con lợn giống có trọng lượng là 14,5 kg và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS

- 01 bao tải; 01 đèn pin là phương tiện phạm tội của bị cáo, không còn giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 97F4 – 8079 là xe của anh Lý Văn H, Ngày 07/9/2020 bị cáo mượn xe mô tô này mục đích để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng N không nói cho anh H biết. Anh H cũng không biết bị cáo dùng xe mô tô này để thực hiện hành vi trộm cắp, anh H yêu cầu được nhận lại xe mô tô. Xét thấy, đây là tài sản hợp pháp của anh Lý Văn H, cần trả lại xe mô tô biển kiểm soát 97F4 – 8079 cho anh Lý Văn H.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng của bị cáo N không liên quan đến hành vi phạm tội, xét thấy cần trả lại cho Nguyễn Văn N, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo N.

[8]. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 - Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Căn cứ khoản 1, Điều 173; Điều 38; điểm r, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52/BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 24 (Hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 03/12/2020. Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày (08/9/2020 đến ngày 17/9/2020).

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48/BLHS; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589/BLDS; Điều 29, 33 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường dân sự giữa bị cáo và bị hại. Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại giá trị tài sản đã trộm cắp cho bị hại, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho chị Lý Thị H và anh Đặng Văn G. Nơi cư trú: Thôn K, xã K, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 2.560.000^d (Hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Bồi thường cho chị Long Thị T và anh Lý Văn Q. Nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 4.480.000^d (Bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

- Bồi thường cho bà Dương Thị N và ông Lý Văn C. Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 2.700.000^d (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Bồi thường cho ông Triệu Văn T và bà Bàn Thị N. Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 3.750.000^d (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Bồi thường cho bà Ninh Thị S và ông Nông Đức N. Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 2.000.000^d (Hai triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Đàm Thị S và anh Ngô Duy Hg (con đẻ bà S) sinh năm 1994; Nơi cư trú: TK, thị trấn C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 2.000.000^d (Hai triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Ma Thị Đ, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 3.000.000^d (Ba triệu đồng).

- Bồi thường cho ông Nguyễn Kinh H và bà Triệu Thị N. Nơi cư trú: TK, thị trấn C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 2.400.000^d (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Bồi thường cho ông Dương Văn T và bà Sầm Thị L. Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 3.600.000^d (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Bồi thường cho ông Hoàng Văn D và bà Phạm Thị T. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 2.000.000^d (Hai triệu đồng).

- Bồi thường cho ông Trần Văn G và bà Lê Thị M. Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Số tiền là: 2.400.000^d (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bao tải; 01 đèn pin

- Trả lại cho Lý Văn H 01 xe mô tô biển kiểm soát 97F4 – 8079.

- Trả lại cho Nguyễn Văn N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo N.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 03/02/2021 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Bể và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Bể)

* Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 - Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định./.

Nơi nhận:

- VKSND Ba Bể 1;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn 1;
- CA huyện Ba Bể 2;
- Bị cáo 1;
- Bị hại 12;
- Người CQLNVLQ 3;
- TA tỉnh BK 1;
- Sở tư pháp 1;
- THADS 1;
- Lưu Hồ sơ vụ án 1;
- Lưu TA 1;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ma Thị Nguyên

